

Bản án số 240/2022/DS-PT
Ngày 09/8/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;
Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6677/2022/QĐPT ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1951; địa chỉ: Khôi 3A, thị trấn Thanh Ch, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Lê Ngọc D, sinh năm 1990; địa chỉ: phường Lê L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bà Phan Thị Tú Gi, sinh năm 1979; địa chỉ: số 15 đường Nguyễn H, khối Yên Gi1, phường Đông V1, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Bà Đào Thị H1, sinh năm 1978; địa chỉ: xóm Mậu L1, xã Hưng L2, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hữu L3 và luật sư Bùi Thị Th - Văn phòng luật sư Tuổi trẻ, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; luật sư L3 có mặt, luật sư Th vắng mặt.

*** Bị đơn:** Bà Ngô Thị Phương Th1, sinh năm 1948; trú tại: Khôi 3A, thị trấn

Thanh Ch, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Đinh Xuân Ph, sinh năm 1982; (con bà Th1); địa chỉ: Khối 3A, thị trấn Thanh Ch, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952 (vợ ông Nh); có mặt.
2. Anh Đinh Xuân Ph, sinh năm 1982; có đơn xin xét xử vắng mặt.
3. Chị Phạm Thị L4, sinh năm 1991 (vợ anh Ph); vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khối 3A, thị trấn Thanh Ch, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An.

4. Anh Đinh Xuân Nh1, sinh năm 1976 (con bà Th1); vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị B (vợ anh Nh1); vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Nhà A33 Chung cư Bình Ph1, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nh1, chị B, chị L4: Anh Đinh Xuân Ph; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Lê Thị M, sinh năm 1954 (em gái ông Nh); địa chỉ: xóm Luân Ph1, xã Đồng V2, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

7. Bà Lê Thị B (Lê Thị H2), sinh năm 1957 (em ông Nh); địa chỉ: Khối 3A, thị trấn Thanh Ch, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà B: Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1951; địa chỉ: Khối 3A, thị trấn Thanh Ch, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; có mặt.

8. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: thị trấn Thanh Ch, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Th2 - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2019 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn Nh trình bày như sau:*

Năm 1978 bố con ông được Hợp tác xã Thanh Luân, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cấp cho thửa đất tại khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, với diện tích chiều rộng là 55m tám đường 15 và chiều dài lên giáp vào khu mô mả, sâu khoảng 15m; vị trí giao đất liền kề đất của ông Tính là bố của bà Th1.

Gia đình ông nhận đất, quản lý và sử dụng diện tích đất liền kề với gia đình ông Tính; năm 1983 bà Ngô Thị Phương Th1 là con gái ông Tính đã đi lấy chồng nơi khác, nhưng được ông Tính cho một phần diện tích đất tiếp giáp với đất của gia đình ông, nhưng do đất chật, nên bà Ngô Thị Phương Th1 mượn một diện tích

đất của bố con ông để sử dụng. Việc cho mượn không có giấy tờ gì. Phần còn lại gia đình ông vẫn quản lý.

Năm 1995 nhà nước mở rộng đường quốc lộ lấy vào phần đất hai bên đường của các gia đình nên ông sang chặt cây để trả mặt bằng nên xảy ra tranh chấp. Sự việc được UBND thị trấn Thanh Chương tổ chức họp, lập biên bản giải quyết. Tại buổi làm việc bà Ngô Thị Phương Th1 thừa nhận trong tổng diện tích đất của bà sử dụng có một “sọc” đất do bố bà là ông Tính cho và một “sọc” là đất mượn của bố con ông là 250m² nằm trong thửa đất là do Hợp tác xã Thanh Luân, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cấp cho bố con ông từ năm 1978.

Việc năm 1978 Hợp tác xã Thanh Luân cấp đất cho ông và bố ông là Lê Văn T, chỉ ghi là bám mặt đường Quốc lộ 15 là 55m ngang, chiều sâu ra phía sau sát khu mồ mả là 15m, còn diện tích cụ thể thì Hợp tác xã Thanh Luân không ghi rõ. Sau đó do có một số mồ mả chuyển đi nơi khác, nên gia đình đã phở hoang thêm trước năm 1980 và kéo dài ra tận phía sau, nên chiều sâu thửa đất dài hơn 15m.

Khi Hợp tác xã cấp đất là tháng 9/1978, lúc đó mẹ ông là bà Lê Thị D1 đã chết, chết năm nào ông không nhớ; bố ông Nh là Lê Văn T, sinh năm bao nhiêu ông không nhớ, chết năm bao nhiêu ông cũng không nhớ, chỉ biết chết sau khi được cấp đất.

Bố mẹ của ông là Lê Văn T và bà Lê Thị D1 có 03 người con gồm: Ông Lê Văn Nh, bà Lê Thị M, sinh năm 1954, hiện trú tại xóm Luân Ph1, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương; bà Lê Thị B (tên gọi khác là Lê Thị H2), sinh năm 1957, hiện trú tại khối 3A, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Thửa đất mà Hợp tác xã Thanh Luân cấp cho bố con ông vào năm 1978, đến năm 2008 chưa được cấp giấy chứng nhận lần nào, mãi đến năm 2008 ông Lê Văn Nh mới làm thủ tục kê khai để được UBND huyện Thanh Chương cấp giấy chứng nhận đối với phần đã được Hợp tác xã Thanh Luân cấp năm 1978, có diện tích là 1.484m², số thửa là 46, tờ bản đồ số 15; phần còn lại do không liên thửa nên chưa kê khai, nhưng gia đình vẫn sử dụng và quản lý đến nay. Phần đang có tranh chấp với bà Ngô Thị Phương Th1 thì chưa được cấp giấy chứng nhận; sau đó UBND huyện Thanh Chương lại cấp phần đất này vào giấy chứng nhận của bà Ngô Thị Phương Th1.

Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15, gia đình sử dụng từ năm 1978 đến nay ông đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như Đ một phần, cụ thể là bao nhiêu mét vuông ông không nhớ rõ, chuyển nhượng khoảng năm 1989. Phần đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như Đ là giáp với mặt đường 15A, sau đó gọi là đường 46, phần đất này nằm giữa phần đất gia đình ông đã được cấp bìa đỏ và phần đất đang tranh chấp với bà Ngô Thị Phương Th1.

Ngoài phần chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như Đ ra, phần đất mà Hợp tác xã Thanh Luân cấp cho bố con ông không còn chuyển nhượng cho ai nữa.

Thửa đất số 46 hiện nay chỉ có vợ chồng ông Lê Văn Nh đang sử dụng trên đó, ngoài ra không có ai cả. Trên phần đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, 02 ngôi nhà cấp 4, một ngôi nhà 02 gian.

Do phần đất còn lại của gia đình ông Lê Văn Nh hiện nay đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Phương Th1, vì là không liên thừa, bởi ông đã cắt bán một phần cho ông Nguyễn Như Đ, cho nên khi kê khai ông chưa kê khai để cấp bìa đỏ, nhưng ông Lê Văn Nh vẫn sử dụng và quản lý trồng cây lâu năm từ đó đến nay và bản thân bà Ngô Thị Phương Th1 cũng thừa nhận là phần đất đó là của ông Lê Văn Nh.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án với các nội dung như sau:

Thứ nhất: Đề nghị công nhận một phần diện tích đất khoảng 170m² có chiều rộng tám mét đường là 11,3m, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 373090 ngày 26/12/2008 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, diện tích 400m² mang tên Ngô Thị Phương Th1 và Đinh Xuân Quyết, là đất thuộc quyền sở hữu của gia đình ông được ủy ban cấp năm 1978.

Thứ hai: Đề nghị Tòa án, tuyên hủy bỏ Quyết định số 9366/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND huyện Thanh Chương về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 373090 cấp ngày 26/12/2008 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, diện tích 400m² mang tên Ngô Thị Phương Th1 và Đinh Xuân Quyết.

Lý do yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận và quyết định cấp giấy chứng nhận là do UBND huyện Thanh Chương, tự ý lấy đất của bố con ông là 250m² để cấp cho bà Ngô Thị Phương Th1, đất đang tranh chấp mà vẫn làm thủ tục cấp bìa đỏ cho bà Ngô Thị Phương Th1. Ngoài các yêu cầu trên, ông Lê Văn Nh không có bất cứ yêu cầu gì thêm.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Xuân Ph trình bày như sau:* Anh là con trai của bà Ngô Thị Phương Th1, sinh năm 1948, trú tại khối 3A (khối 4 cũ), thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương. Bố anh là ông Đinh Xuân Q, sinh năm 1938, mất ngày 16/10/2017, bố mẹ anh có 02 người con gồm anh và anh trai tên là Đinh Xuân Nh1, sinh năm 1976, hiện trú tại nhà A33 chung cư Bình Ph1, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Thửa đất mà bố mẹ và vợ chồng anh đang ở có số thửa là 62, tờ bản đồ số 15 tại khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; có nguồn gốc là bố mẹ được Hợp tác xã Đồng Văn 1, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương cấp năm 1982, trước đó bố mẹ làm đơn và đã được Hợp tác xã Đồng Văn 1 cấp cho 400m², khi đó ông Nguyễn Văn Hoàn, là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã hiện còn sống ở khối 3A (khối 4 cũ) là người ký cấp đất cho bố mẹ anh. Khi

cấp có diện tích là 400m², sau này đến Bản đồ 299 thì có số thửa 244, giáp với đường 15 (lúc thì gọi đường 46).

Thửa đất bố mẹ anh được cấp có tứ cận: Phía Đông giáp đường 15 (lúc thì gọi đường quan, lúc thì gọi đường 46), phía Nam thì giáp với đất ông Ngũ Văn Đào, phía Tây giáp với phần đất nghĩa địa của thị trấn; phía Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Văn Bình mua lại của ông Nguyễn Như Đ năm 2012; tiếp giáp về phía Bắc liền kề với nhà ông Nguyễn Văn Bình là đất của ông Lê Văn Nh và các con ông Lê Văn Nh.

Bố mẹ và anh đã ở ổn định từ năm 1982 đến nay, không lần chiếm của ai, nay ông Lê Văn Nh khởi kiện có lúc trong Đơn khởi kiện ông nói là trong thửa đất của bố mẹ anh có 170m² đất, có chiều rộng theo mặt đường là 11,3m là của ông Nh và đề nghị công nhận quyền sở hữu cho ông phần đất này; lúc thì ông Nh cho rằng bố mẹ anh lần chiếm của ông là 250m² và đề nghị trả lại cho ông Nh diện tích đất này là không đúng. Vì thửa đất của bố mẹ anh với đất của ông Lê Văn Nh được cách biệt bởi thửa đất của ông Nguyễn Như Đ trước đây mua của ông Lê Văn Nh từ năm 1981, sau đó ông Nguyễn Như Đ không ở và đã bán lại cho ông Nguyễn Văn Bình năm 2012, hiện nay ông Nguyễn Văn Bình đang làm Nhà nghỉ để kinh doanh.

Thửa đất của bố mẹ anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa mới là 62, tờ bản đồ số 15 ngày 26/12/2008.

Việc ông Lê Văn Nh nói đất của bố mẹ anh là do ông bà ngoại cho một phần và mượn của ông Lê Văn Nh 01 “sọc” là hoàn toàn không đúng. Bố mẹ anh không mượn hề mượn đất của ông Lê Văn Nh. Anh chỉ biết bố mẹ lấy nhau trước năm 1976, sau khi lấy nhau ở nhờ nhà ông bà ngoại ở trong xóm Luân Hồng, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương; hiện cả 02 ông bà anh đã mất.

Sau đó bố mẹ làm đơn gửi Hợp tác xã Đồng Văn 1, và được cấp cho thửa đất hiện tại và ở từ năm 1982 đến nay. Khu vực đất này trước đây thuộc về xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, sau đó sát nhập về thị trấn Thanh Chương.

Khoảng năm 1995 ông Lê Văn Nh có đến chặt cây cối trong vườn nhà anh, nên bố mẹ anh đã làm đơn khiếu nại đến các cơ quan, nên từ xã đến huyện đã có giải quyết hai bên gia đình, sau đó được sự vận động của chính quyền, nên bố mẹ đã rút đơn khiếu nại hành vi phá phách của ông Lê Văn Nh. Hai gia đình đều đã ở ổn định cách nhau từ năm 1982 đến nay, khi nhà nước có chủ trương kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì bố mẹ cũng như gia đình ông Lê Văn Nh đều tiến hành kê khai cả. Theo bản đồ 299 của nhà nước thì thửa đất trước đây của bố mẹ là thửa 244, rồi đến thửa của ông Nguyễn Như Đ là 245, rồi mới đến thửa đất ông Lê Văn Nh là 246.

Trên thửa đất số 62 của gia đình trước đây có 01 ngôi nhà ngói 03 gian, 01 nhà bếp và công trình phụ, sau đó do sử dụng xuống cấp, nên gia đình anh đang

tiến hành làm và mới hoàn thành ngôi nhà mới là 2,5 tầng để ở về phía Nam của thửa đất, còn phần đất còn lại về phía Bắc có tiếp giáp với đất của ông Nguyễn Văn Bình vẫn để trống, trên đó không có cây cối hay công trình gì cả. Ông Lê Văn Nh nói ông vẫn sử dụng phần đất này liên tục từ năm 1978 đến nay, là hoàn toàn sai sự thật; phần đất này trước đây gia đình anh làm nhà nây, nhà ngang và các công trình khác, chỉ mới đây khi phá các nhà cũ đi, gia đình mới làm ngôi nhà 2,5 tầng chéch về phía nam, còn phía Bắc đang để trống.

Nay ông Lê Văn Nh khởi kiện yêu cầu gia đình trả lại cho ông Lê Văn Nh 250m² đất của gia đình cho ông Lê Văn Nh, đề nghị công nhận quyền sở hữu cho ông và đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình, mẹ anh và các thành viên trong gia đình hoàn toàn không nhất trí yêu cầu của ông Lê Văn Nh. Vì gia đình anh không lấn chiếm và mượn gì đất của ông Lê Văn Nh mà phải trả đất hay hủy giấy chứng nhận của gia đình.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Sinh trình bày:* Bà là vợ của ông Lê Văn Nh, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào biên bản năm 1995 để giải quyết. Bà không có yêu cầu gì. Bà hoàn toàn thống nhất ý kiến của ông Lê Văn Nh.

** Đại diện UBND huyện Thanh Chương trình bày:* UBND huyện Thanh Chương đã tiến hành kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 của bà Ngô Thị Phương Th1 đối với thửa đất số 62 tờ bản đồ số 15, UBND huyện Thanh Chương có ý kiến như sau: Về nguồn gốc thửa đất, theo Giấy xác nhận nguồn gốc được UBND thị trấn Thanh Chương, lập ngày 17/01/2008, thì thửa đất có nguồn gốc sử dụng ổn định lâu dài trước 04/01/1989.

Ngày 02/01/2008 bà Ngô Thị Phương Th1, đã có Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Ngô Thị Phương Th1 với diện tích 400m² và được UBND thị trấn Thanh Chương xác nhận ngày 22/02/2008. Kèm theo có Đơn xin đất làm nhà ngày 20/11/1982 tại vùng đất cạnh đường 15 trước cửa nhà ông Tuấn hoặc miếng đất đồi (ụ pháo cụ đối diện nhà ông Dàn) có xác nhận đề ngày 10/7/1983 của Ban quản lý hợp tác xã Đồng Văn I, xã Đồng Văn đã cấp cho bà Ngô Thị Phương Th1 miếng đất ở phía đồi quan, đồng thời có xác nhận của UBND xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương.

Kèm theo Đơn của bà Ngô Thị Phương Th1 có Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 16/10/1999 với số thửa 62 tờ bản đồ 15 diện tích 400m²; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất có UBND thị trấn Thanh Chương và các hộ giáp ranh ký xác nhận.

UBND Thị trấn Thanh Chương đã lập danh sách niêm yết công khai ngày 02/01/2008 với thời hạn 15 ngày, tại trụ sở UBND thị trấn Thanh Chương từ ngày 03/01/2008. Sau khi làm thủ tục niêm yết công khai theo quy định, ngày 27/02/2008 UBND Thị trấn Thanh Chương đã có Tờ trình số 24/TTr-UB đề nghị UBND huyện Thanh Chương cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Ngô Thị Phương Th1.

Sau khi bà Ngô Thị Phương Th1 thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định. Ngày 26/12/2008 UBND huyện Thanh Chương đã ban hành Quyết định số 9366/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ngô Thị Phương Th1 và chồng là ông Đinh Xuân Q, đồng thời đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ký hiệu số AL 373090 ngày 26/12/2008 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15 tại khối 4, thị trấn Thanh Chương, mang tên hộ bà Ngô Thị Phương Th1 và chồng là ông Đinh Xuân Q.

Quan điểm của UBND huyện Thanh Chương về yêu cầu hủy giấy chứng nhận của ông Lê Văn Nh như sau: Việc UBND huyện Thanh Chương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Ngô Thị Phương Th1 và ông Đinh Xuân Q theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông Lê Văn Nh yêu cầu thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình nói trên, UBND huyện Thanh Chương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị M và bà Lê Thị B trình bày:* Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, song đều vắng mặt và không có ý kiến gì.

** Người làm chứng là vợ chồng ông Nguyễn Như Đ và bà Trần Thị Ph2 trình bày:* Năm 1982 hay 1983 gì đó, vợ chồng ông bà có mua 01 mảnh đất của ông Lê Văn Nh ở thị trấn Thanh Chương; phần đất mua này có số thửa là 245, đến năm 1994 gì đó thì đã được cấp bìa đỏ đứng tên vợ chồng, sau này thì thửa đất của vợ chồng lại có số thửa số 61 ở khối 4, thị trấn, vợ chồng ở từ đó cho đến năm 2012 thì bán lại cho ông Nguyễn Văn Bình; phần đất ông bà mua là cuối của thửa đất ông Lê Văn Nh, giáp với đất của vợ chồng bà Ngô Thị Phương Th1, một phần giáp đất ông Lê Văn Nh, phía trước giáp mặt đường Quan, phía sau là mô mả. Vừa rồi ông Lê Văn Nh có lên gặp vợ chồng ông nhờ xác nhận là là khi vợ chồng ông bà mua đất của ông Lê Văn Nh là ở giữa, phía bên bà Ngô Thị Phương Th1 đang còn một sọc đất, vợ chồng đã nói với ông Lê Văn Nh là ai lại làm thế, vợ chồng ông bà không thể xác nhận được cho ông như vậy, ông đi kiện như vậy là sai rồi, đất của ông bên kia cách một thửa đất của ông bà, rồi mới đất của bà Ngô Thị Phương Th1, thì làm rằng nói bà Ngô Thị Phương Th1 chiếm đoạt đất của ông được; ngày xưa ông bà bán đất cho vợ chồng ông bà là sát với đất bà Ngô Thị Phương Th1 rồi, giờ rằng mà xác nhận cho ông là còn có một sọc đất nữa; ông đi kiện như thế là vô lý.

Người làm chứng là ông Trần Đình L5 trình bày: Giai đoạn năm 1978 - 1980 ông là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Thanh Luân, xã Đồng Văn, năm 1978 ông Lê Văn T là cha của ông Lê Văn Nh có làm đơn xin cấp đất ở, ông đã ký đồng ý cấp cho ông Lê Văn T 01 mảnh đất tại vùng ông Cu Quang, mảnh đất này lúc đó rộng, nên ông có đồng ý cấp mảnh đất này, chứ không phải cấp cả vùng

đất đó. Theo chủ trương của Hợp tác xã lúc đó cấp cho các hộ gia đình là khoảng từ 700-800m² đất, trong đơn xin cấp đất lúc đó ông chỉ phê duyệt là đồng ý cho cha con ông T ở đó để mở quán bán phở. Theo sổ sách lúc đó vùng đất ông Cu Quang là khoảng 02 sào 03 thước, tức khoảng 1.100m² đất, cho nên ông đồng ý phê duyệt cho cha con mở quán để bán phở. Vừa rồi ông Lê Văn Nh và chị luật sư nào đó có đến gặp ông đặt vấn đề nhờ ông xác nhận là năm 1987 Hợp tác xã Thanh Luân đã cấp cho cha con ông Lê Văn T toàn bộ đất khu vực xung quanh ông Cu Quang, ông đã từ chối không xác nhận như theo đề nghị của luật sư và ông Lê Văn Nh; chủ trương lúc đó chỉ cấp đất khoảng 700-800m² đất, nhưng vườn ông Cu Quang rộng khoảng 02 sào 03 thước (khoảng 1.100m²), nên ông đã cấp cho ông Lê Văn T cả.

Người làm chứng là ông Trần Đình D2 trình bày: Ông hiện tại giữ chức vụ Bí thư Chi bộ xóm Tiên Quánh, xã Đồng Văn, trước đây ông là Bí thư kiêm Xóm trưởng, ông là con thứ 3 của ông Trần Đình Êm, giai đoạn 1982-1983 cha ông là Chủ tịch UBND xã Đồng Văn, cha ông hiện nay đi lại bình thường, nhưng trí nhớ không còn minh mẫn, không biết trả lời như thế nào cả; ông sống cũng gần nhà cha ông; vừa rồi có ông gì tên Nh và luật sư nào đó có vô nhà nhờ bố ông xác nhận nội dung gì đó, bố ông không biết và nhận thức được gì, do không ai ở nhà cả, họ vào không ai biết, không biết họ có bắt bố ông ký gì không, ông không biết, chỉ về có nghe mẹ nói lại không rõ ràng, vì cả bố mẹ đều lắm cảm.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn H3 trình bày: Năm 1982 ông là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Đồng Văn I, xã Đồng Văn cho đến năm 1985, thì một phần của xã Đồng Văn nhập về thị trấn Thanh Chương. Năm 1982 bà Ngô Thị Phương Th1 có làm Đơn xin cấp đất làm nhà ở, lúc đó với tư cách là Phó Chủ nhiệm hợp tác xã, ông đã đồng ý cấp đất cho vợ chồng bà Ngô Thị Phương Th1 tại đường Quan (dân gian gọi đường quốc lộ là đường quan) một mảnh vườn giáp ông Lê Văn Nh, thẩm quyền cấp đất lúc đó là Hợp tác xã, chứ không phải UBND xã cấp đất. Vừa rồi cũng có 02 chị luật sư đi cùng ông Lê Văn Nh đến gặp ông, nhờ xác nhận này nọ, nhưng ông không xác nhận cho họ, vì họ yêu cầu xác nhận không đúng sự việc.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn B1 trình bày: Thừa đất số 61 trước đây là của vợ chồng ông Nguyễn Như Đ bán cho ông năm 2012, sau khi mua xong và làm thủ tục thì ông làm Nhà nghỉ đến tháng 4/2014 thì hoàn thành đưa vào kinh doanh Nhà nghỉ từ đó đến nay. Ông là dân gốc ở đây, nên thừa đất ông mua này theo ông được biết trước vợ chồng ông Nguyễn Như Đ đã ở trên thừa đất này từ năm 1982 gì đó và có sổ thừa là 245.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 100, Điều 105, Điều 202, Điều

203 Luật đất đai; Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 12, Điều 26, Điều 27, Điều 32 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Nh về việc đề nghị tuyên hủy Quyết định số 9366/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND huyện Thanh Chương về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, số AL 373090 đã cấp ngày 26/12/2008 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, có diện tích 400m² mang tên bà Ngô Thị Phương Th1 và ông Đinh Xuân Q.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của Lê Văn Nh về việc công nhận quyền sở hữu đất và đề nghị buộc mẹ con bà Ngô Thị Phương Th1 trả lại 250m² đất, nằm trong thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15 tại thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, cho ông Lê Văn Nh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá và thẩm định; thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2020, nguyên đơn là ông Lê Văn Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn Nh giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Toàn bộ diện tích đất ở của gia đình ông là do năm 1978 bố ông là Lê Văn T cùng ông làm đơn xin và được Hợp tác xã xét cấp cho bố con ông thửa đất có chiều bằm theo mặt đường là 55m, chiều sâu vào giáp khu mồ mả là 15m. Khoảng năm 1982 thì bố mẹ bà Th1 cắt cho vợ chồng bà Th1 một phần đất giáp với đất của gia đình ông để vợ chồng bà Th1 làm nhà ở. Do được bố mẹ cho diện tích đất hẹp nên vợ chồng bà Th1 hỏi mượn gia đình ông thêm một “sọc” đất liền kề để sử dụng. Năm 1995 nhà nước mở rộng đường quốc lộ có lấy vào đất nên ông sang chặt cây cối trên đất cho bà Th1 mượn từ trước nên đã phát sinh tranh chấp. Tại Biên bản giải quyết tranh chấp năm 1995 bà Th1 đã thừa nhận đã mượn đất của ông nhưng không trả lại, ông đã có nhiều đơn khiếu nại đến Thanh tra huyện nhưng không được giải quyết. Năm 2008 UBND huyện Thanh Chương cho rằng đất của gia đình bà Th1 và không có tranh chấp để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Th1 là sai pháp luật. Hiện gia đình bà Th1 xây nhà kiên cố cũng không dám xây trên phần đất đã mượn của ông. Ông Nh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm buộc gia đình bà Th1 trả lại diện tích đất đó cho gia đình ông.

Luật sư bảo vệ cho ông Lê Văn Nh nêu căn cứ kháng cáo: Toàn bộ diện tích đất ở của gia đình ông Nh là do năm 1978 bố ông Nh và bố ông là Lê Văn T cùng ông làm đơn xin và được Hợp tác xã xét cấp cho bố con ông thửa đất có chiều bằm theo mặt đường là 55m, chiều sâu vào giáp khu mồ mả là 15m. Khoảng năm 1982 thì bố mẹ bà Th1 cắt cho vợ chồng bà Th1 một phần đất giáp với đất của gia đình

ông để vợ chồng bà Th1 làm nhà ở. Do được bố mẹ cho diện tích đất hẹp nên vợ chồng bà Th1 hỏi mượn gia đình ông thêm một “sọc” đất liền kề để sử dụng. Từ năm 1995 đã xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông Nh với bà Th1. Tại Biên bản giải quyết tranh chấp ngày 13/5/1995 bà Th1 đã thừa nhận mượn một “sọc” đất của ông Nh, sự việc chưa được giải quyết dứt điểm nhưng năm 2008 UBND huyện Thanh Chương lại xác định đất đó không có tranh chấp để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th1 là không đúng quy định của Luật đất đai. Đất này cấp cho bố ông Nh, Tòa án cấp sơ thẩm tuy đã đưa bà Lê Thị M, bà Lê Thị H2 là em gái ông Nh vào tham gia tố tụng nhưng không lấy được lời khai cũng như tham gia tố tụng mà đã đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Khi tiến hành thẩm định đất có tranh chấp thì chỉ đo phần đất có tranh chấp, đo đất nhà ông Nh mà không đo cả đất của bố bà Th1 để xác định tổng diện tích đất của các nhà xem bà Th1 có mượn đất của ông Nh trong chiều ngang đất của nhà ông Nh được cấp là 55m không, từ đó mới có căn cứ xác định đất của bà Th1 có nằm trong đất của ông Nh hay không, hoặc nằm ngoài đất đã cấp cho ông Nh cũng là thiếu sót. Do đó luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại làm rõ những vấn đề trên.

Bị đơn và người được ủy quyền của bị đơn vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Ông Lê Văn Nh kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho ông Nh đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông Nh là trong hạn luật định nên cần được chấp nhận để xét.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa bà Lê Thị M, bà Lê Thị H2 là em ông Nh vào tham gia tố tụng; đã xác minh làm rõ hai bà này sức khỏe yếu nên không tham gia tố tụng được; tại phiên tòa hôm nay ông Nh cũng xác nhận sức khỏe của họ không đảm bảo do bị tai nạn nên không có mặt dù đã được triệu tập hợp lệ tại cấp sơ thẩm. Do đó tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm về đưa người tham gia tố tụng như đã nêu trên.

Về nội dung: Ông Nh khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9366/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND huyện Thanh Chương về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 373090 cấp ngày 26/12/2008 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, có diện tích 400m² mang tên Ngô Thị Phương Th1 và Đinh Xuân Q thấy: Về hồ sơ kê khai xin cấp giấy chứng nhận có đủ các tài liệu như hồ sơ kỹ thuật thửa đất, có biên bản xác định ranh giới thửa đất, có chữ ký của các hộ giáp ranh và hồ sơ được niêm yết không có khiếu nại nên UBND huyện Thanh Chương đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Th1 là đúng trình tự, thủ tục quy định.

Về nguồn gốc đất: Gia đình bà Th1 được giao đất này từ năm 1982 có văn bản xác nhận của chính quyền, của UBND xã; đã kê khai đứng tên trên bản đồ 299 với diện tích 400m² giáp ranh với đất của ông Đ, cách đất của gia đình ông

Nh cũng đã đứng tên trên bản đồ này. Tại phiên tòa ông Nh thừa nhận bán đất cho ông Đ từ khoảng năm 1989-1990 với diện tích 300m², nay đo thực tế có chiều theo mặt đường là 13,1m. Đất của ông Nh còn lại theo bản đồ 299 là 890m² mang tên ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị S; Bản đồ lập năm 1999 thì thửa đất này có số thửa 46, tờ bản đồ số 15, có diện tích 1.484m² mang tên ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị S. Và theo bản đồ lập năm 2018 thì thửa đất này có số thửa là 182, tờ bản đồ số 23, có diện tích 1.551,9m² mang tên ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị S là không thiếu đất. Khi kê khai để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông Nh chỉ kê khai diện tích 1.484m² và đã được cấp giấy chứng nhận, nay được thẩm định còn rộng hơn như trên. Như vậy việc ông Nh khởi kiện là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nh là đúng quy định.

Về yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với đất đang kiện đòi không đúng theo quy định của Hiến pháp về đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Do vậy cũng không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nh, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên trình bày ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Lê Văn Nh trong thời hạn quy định nên được chấp nhận để xét. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho ông Nh đề nghị hủy bản án sơ thẩm; việc thay đổi nội dung kháng cáo này là trong phạm vi luật định nên được chấp nhận để xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án; Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xác định giải quyết là đúng. Quá trình tố tụng đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét và giấy triệu tập phiên tòa đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị M và bà Lê Thị H2, cũng như những người làm chứng. Song, bà Lê Thị H2 và bà Lê Thị M vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy Tòa án xét theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của ông Lê Văn Nh, thấy:

[2.1] Về nguồn gốc toàn bộ diện tích đất hiện gia đình ông Nh đang quản lý, sử dụng và diện tích đất hiện nay ông Nh đang khởi kiện, thấy: Ngày 20/9/1978 bố ông Lê Văn Nh là ông Lê Văn T làm Đơn xin vườn ở và ngày 25/9/1978 đã được Hợp tác xã Thanh Luân, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cấp cho một mảnh đất tại khu vực ông Cu Quang, xã Đồng Văn, nội dung xin đất ở do bố ông Nh có ghi chiều ngang giáp mặt đường 55m, chiều sâu giáp “khu mộ” 15m. Nhưng việc cấp đất ở và giao đất không có biên bản bàn giao đất trên thực địa và không có nội dung giao diện tích cụ thể.

Thực tế quá trình quản lý, sử dụng đất đến năm 1981 ông Lê Văn Nh đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như Đ một phần đất mà bố con ông Lê Văn Nh đã được Hợp tác xã Thanh Luân, xã Đồng Văn cấp nêu trên (phần đất giáp ranh với phần đất của gia đình bà Th1 và hiện nay đang có tranh chấp). Sau đó đến năm 2012 ông Nguyễn Như Đ lại chuyển nhượng thửa đất đã mua này (nay là thửa số 245, diện tích 280m² theo Bản đồ 299) cho ông Nguyễn Văn B1. Ông Nguyễn Văn B1 đã xây dựng Nhà nghỉ để kinh doanh từ năm 2014 không có tranh chấp với ai. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nh xác nhận điều này và khai diện tích chuyển nhượng khoảng 300m² nhưng thực tế hiện nay ông Đ đang quản lý đất theo mặt đường là 13,1m.

Thực tế hồ sơ địa chính đối với toàn bộ diện tích đất còn lại của gia đình ông Nh, thấy: Theo bản đồ 299 (được lập năm 1983-1985) có số thửa là 246, tờ bản đồ số 3, có diện tích 890m² mang tên ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị S.

Theo Bản đồ lập năm 1999 thì thửa đất này có số thửa 46, tờ bản đồ số 15, có diện tích 1.484m² mang tên ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị S.

Theo bản đồ lập năm 2018 thì thửa đất này có số thửa là 182, tờ bản đồ số 23, có diện tích 1.551,9m² mang tên ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị S (đồng thời thửa đất số 182 này đã có biến động, chỉnh lý bổ sung năm 2018, thửa đất số 182 được tách tiếp thành 05 thửa khác nhau, bao gồm thửa số 384, 385, 386 và 387 nằm về phía Bắc của thửa đất số 182 cũ và phần đất còn lại có số thửa là 388).

Đối với diện tích đất còn lại này sau khi đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như Đ, ngày 20/8/2007 vợ chồng ông Lê Văn Nh đã tiến hành kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Ngày 25/01/2008 UBND huyện Thanh Chương đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Nh, có số thửa là 46, tờ bản đồ số 15, với diện tích 1.484m² không có tranh chấp.

[2.1] Về nguồn gốc toàn bộ diện tích đất ở của gia đình bà Ngô Thị Phương Th1:

Ngày 20/11/1982 vợ chồng bà Ngô Thị Phương Th1 có đơn xin cấp đất làm nhà ở tại vùng đất cạnh đường 15 trước cửa nhà ông Tuấn hoặc miếng đất đồi (ụ pháo cũ đối diện nhà ông Dân). Ngày 10/7/1983 được sự đồng ý xác nhận của UBND xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, Ban quản lý hợp tác xã Đồng Văn I, xã Đồng Văn đã ký cấp cho bà Ngô Thị Phương Th1 miếng đất ở phía “Đùi Quan” giáp ranh với đất vườn đã giao cho gia đình ông Lê Văn Nh trước đây. Việc giao đất cũng không có sơ đồ cụ thể kèm theo.

Gia đình bà Ngô Thị Phương Th1 nhận đất, sử dụng thửa đất làm nhà ở từ năm 1982 đến ngày 02/01/2008 bà Ngô Thị Phương Th1 đã kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Ngô Thị Phương Th1 tại thửa số 62, tờ bản đồ số 15, với diện tích 400m² và đã được UBND thị trấn Thanh Chương xác nhận ngày 22/02/2008. Ngày 26/12/2008 UBND huyện Thanh Chương đã ban hành Quyết định số 9366/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ngô Thị Phương Th1 và chồng là ông Đinh Xuân Q, đồng thời đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ký hiệu số AL 373090 ngày 26/12/2008 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15 tại khối 4, thị trấn Thanh Chương, mang tên hộ bà Ngô Thị Phương Th1 và chồng là ông Đinh Xuân Q cũng không có tranh chấp.

Năm 1995 tuy có việc ông Lê Văn Nh làm đơn khiếu nại đến chính quyền các cấp cho rằng trong sổ diện tích đất của bà Ngô Thị Phương Th1 đang sử dụng, có 250m² đất của ông được cấp năm 1978. Tại Biên bản giải quyết ngày 13/5/1995 có ghi rõ nội dung công nhận quyền sử dụng đất đó của bà Th1. Nhưng từ đó đến năm 2008 khi gia đình bà Th1 kê khai, đăng ký và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không hề có khiếu nại.

Thực tế hồ sơ địa chính đối với toàn bộ diện tích đất của gia đình bà Th1, thấy: Theo Bản đồ 299 (được lập năm 1983-1985) có số thửa là 244, tờ bản đồ số 3, diện tích 400m² mang tên bà Ngô Thị Phương Th1 và ông Đinh Xuân Q.

Theo Bản đồ lập năm 1999 thì thửa đất này có số thửa 62, tờ bản đồ số 15, có diện tích 400m² mang tên bà Ngô Thị Phương Th1 và ông Đinh Xuân Q.

Theo bản đồ lập năm 2018 có số thửa là 220, tờ bản đồ số 23, có diện tích 3,998m² mang tên bà Ngô Thị Phương Th1.

Như vậy, việc được giao đất ở, quản lý, sử dụng đất giữa hai gia đình đều có sự kê khai, đứng tên trên hồ sơ địa chính đều theo đúng quy định. Khi cả hai gia đình tiến hành kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, UBND huyện Thanh Chương đã dựa trên hồ sơ địa chính, hồ sơ kê khai đảm bảo trình tự, theo thủ tục và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cả hai gia đình là đúng quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ.

Do đó khi giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Nh, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành điều tra, xác minh, thẩm định theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá để xác định: “Việc ông Lê Văn Nh yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền sở hữu 170m² hay 250m² thuộc thửa đất số 62 của bà Ngô Thị Phương Th1 là không có căn cứ để chấp nhận; bởi theo quy định của Hiến pháp và Luật đất đai, thì quyền sở hữu đất đai thuộc về toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; công dân chỉ được quyền sử dụng đất đai theo Luật đất đai, chứ không có quyền sở hữu đất đai. Hay việc ông Lê Văn Nh khởi kiện yêu cầu mẹ con bà Ngô Thị Phương Th1 trả lại diện tích 250m² đất, nằm trong thửa số 62, tờ bản đồ số 15, tại thị trấn Thanh Chương cho ông Lê Văn Nh, là không có căn cứ để chấp nhận” là có căn cứ.

Vì vậy, việc ông Lê Văn Nh khởi kiện đề nghị Tòa án, tuyên hủy bỏ Quyết định số 9366/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND huyện Thanh Chương về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 373090 cấp ngày 26/12/2008 đối với thửa đất số

62, tờ bản đồ số 15, có diện tích 400m² mang tên Ngô Thị Phương Th1 và Đinh Xuân Quyết. Là không có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, Tại bản án sơ thẩm còn xác định ông Nh thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và bà Ngô Thị Phương Th1 đều được cấp đồng loạt vào năm 2008, như vậy Quyết định số 9366/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Ngô Thị Phương Th1, đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15 được ban hành ngày 26/12/2008. Song đến ngày 10/11/2019 ông Lê Văn Nh mới làm đơn yêu cầu hủy quyết định và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 115; 116 Luật tố tụng hành chính.

[2.3] Do yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Thanh Chương; yêu cầu đòi lại diện tích 250m² đất của gia đình bà Th1 đã được xác định là không có căn cứ nên không được chấp nhận nên nội dung yêu cầu công nhận “quyền sở hữu” đối với diện tích đất đang có tranh chấp cũng không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý đất đai đã được quy định nên cũng không được chấp nhận.

Vì vậy đề nghị của người bảo vệ quyền lợi cho ông Nh tại phiên tòa không được chấp nhận; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do ông Lê Văn Nh là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Nh; giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn Nh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học

Nguyễn Xuân Hùng

Nguyễn Vũ Đông

